

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/DS-ST

Ngày 13-2-2020

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản và
Hợp đồng cầm cố QSDĐ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Chung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Văn Cầu

2. Ông Phạm Thạch Út

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Hữu Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Anh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 73/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản và HĐ cầm cố Quyền sử dụng đất” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 278/2019/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2019 và QĐ hoãn phiên tòa số 05/2020/QĐXX-ST ngày 15/01/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.
Trụ sở chính: Số 2, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Đơn vị đại diện theo ủy quyền: Agribank Chi nhánh huyện CT, AG, theo Quyết định ủy quyền số: 510/QĐ-HDTV-PC ngày 19/06/2014 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

Người đại diện: Ông L.T.T - Chức vụ : Giám đốc Agribank Chi nhánh huyện CT-AG. Ông T ủy quyền lại cho ông Ng.V.V – Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh Agribank Chi nhánh huyện CT-AG. (có mặt)

Địa chỉ: Số 314, Quốc lộ 91, ấp Hòa Long 4, thị trấn An Châu, huyện CT-AG

2. Bị đơn: Ông Ng.V.T, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Bà V.T.N.D, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 3, ấp HH, xã HBT, huyện CT-AG.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Đ.V.Q, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 4, ấp HH, HBT, huyện CT-AG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai cùng ngày 28/2/2019 và tại phiên tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có ông Ng.V.V trình bày:

Ngày 05/10/2016 ông Ng .V.T và bà V.T.N.D có đến Agribank Chi nhánh huyện CT-AG làm hợp đồng tín dụng để vay tiền, bà D đại diện ký hợp đồng tín dụng số 507/HĐTD ngày 05/10/2016, vay số tiền 720.000.000đ (bảy trăm hai mươi triệu đồng). Mục đích vay: Sửa chữa máy gặt đập liên hợp, đóng trệt vận chuyển và mua bánh lồng dàn xới, thời hạn vay 60 tháng, trả lãi và vốn theo kỳ, hạn trả cuối cùng là ngày 05/10/2021, lãi suất trong hạn là 10,5%/năm; lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn, khi vay bà D ông T có thể chấp các tài sản sau:

- 01 Quyền sử dụng đất số phát hành: BĐ 601751, số vào sổ: CH03735 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang cấp ngày 09/10/2012 cấp cho ông Ng.V.T và bà V.T.N.D, diện tích 4.475m² đất tọa lạc tại ấp HBT, huyện CT-AG.

- 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành: BĐ 510374, số vào sổ: CH08272 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang cấp ngày 27/3/2013 cho ông Ng.V.T và bà V.T.N.D diện tích 2.817m² đất hai lúa tọa lạc tại ấp HH, HBT, huyện CT-AG.

- 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành: BĐ 591911, số vào sổ: CH 03418 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang cấp ngày 28/9/2011 cho ông Ng.V.T và V.T.N.D, diện tích 3.705m² đất hai lúa tọa lạc tại ấp HH, HBT, huyện CT-AG.

- 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số phát hành: BĐ 601777, số vào sổ: CH 06773 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang cấp ngày 12/10/2012 cho ông Ng.V.T và bà V.T.N.D Ngọc Diệp diện tích 418,1m² loại đất ở nông thôn tọa lạc tại ấp HH, xã HBT, huyện CTAG và tài sản gắn liền với đất là nhà ở dt xây dựng 98,76m², nhà cấp 4a, số tầng 1 năm hoàn thành xây dựng 2011.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng đến ngày 18/12/2017 ông T bà D trả vốn 320.000.000đ và trả lãi 93.490.833 đồng (kể từ ngày 06/10/2016 đến ngày 17/12/2017) và nhận lại hai tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất gồm: - 01 giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số phát hành: BĐ 601751, số vào sổ: CH03735 do UBND huyện Châu Thành, tỉnh An Giang cấp ngày 09/10/2012 với diện tích 4.475m² và 01 giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số phát hành: BĐ 510374, số vào sổ: CH08272 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang cấp ngày 27/3/2013 diện tích 2.817m² đất hai lúa do ông Ng VT và bà VTND đứng tên. Sau khi trả tiền đợt 1 và nhận lại hai giấy chứng nhận xong, ông T bà D đã vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký và không thanh toán theo kỳ trả nợ.

Nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu ông NVT và bà VTND phải trả 1 lần số tiền vốn là 400.000.000đ và số tiền lãi phát sinh trong hạn 91.816.667 đồng (từ ngày 18/12/2019 đến ngày 12/2/2020) và lãi quá hạn (đến kỳ

trả 100.000.000 đồng) số tiền 1.881.250 đồng (kể từ ngày 08/10/2019 đến 13/2/2020). Tổng cộng số tiền 493.697.917 đồng.

Yêu cầu tiếp tục duy trì hợp đồng tín dụng số 507/HĐTD ngày 05/10/2016 và một phần của hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 507/HĐTC ngày 05/10/2016 để đảm bảo thi hành án.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông ĐVQ trình bày: Ngày 06/3/2016 ông T bà D thỏa thuận cõ cho ông diện tích đất nông nghiệp 3.300m² thời gian cõ 2 năm kể từ ngày 06/3/2016 đến 06/3/2018 với giá 60.000.000 đồng, sau khi giao tiền xong ông T bà D không giao đất cho ông mà thuê lại, hiện nay cũng đã hết hợp đồng cõ đất, ngày 21/6/2019 ông có yêu cầu ông T Bà D trả cho ông 60.000.000đ thì ông trả đất lại. Ngày 15/01/2020 ông có đơn thay đổi yêu cầu, yêu cầu ông T Bà D trả ông số tiền 60.000.000đ, đối với diện tích đất 3.300m² tọa lạc tại ấp HH, HBT,CTAG ông T bà D đang quản lý.

Bị đơn ông NVT và bà VTND Vắng mặt trong suốt quá trình tòa án thụ lý và giải quyết vụ án nên không có lời khai.

- Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện CT phát biểu ý kiến:

+ Về chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam có đơn khởi kiện về tranh chấp hợp đồng vay tài sản và yêu cầu Tòa án nhân dân huyện CT là nơi cư trú của bị đơn giải quyết, theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh AG.

1.2 Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam có đơn khởi kiện về tranh chấp hợp đồng vay tài sản và yêu cầu ông NVT và bà VTND trả cho Ngân hàng số tiền 400.000.000 và lãi phát sinh. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp “hợp đồng vay tài sản”.

1.3 Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự: Xét thấy bị đơn ông T, bà D đã được Tòa án niêm yết hợp lệ công khai các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Các Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Đồng thời, Tòa án đã tiến hành thông báo tố tụng qua đăng tin trên Báo công lý cho ông T bà D, nhưng ông bà vẫn vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mà không

có lý do nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Th, bà D.

Đối với ông Đ V Q là người có quyền và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập, Tòa án đã tiến hành tổng đạt trực tiếp các Quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa, ngày 12/2/2020 ông có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nên căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Q.

[2] Về nội dung:

2.1 Về tranh chấp hợp đồng vay tài Sản:

Hợp đồng vay tài sản giữa Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Viện Nam – Chi nhánh An Giang - Phòng giao dịch huyện C T với ông T bà D đã được thực hiện xong vào ngày 05/10/2016, nên căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015 điều chỉnh khi có tranh chấp.

Căn cứ vào hợp đồng tín dụng giữa Agribank chi nhánh huyện CT với ông T bà D trên thực tế có xảy ra, sự việc được chứng minh bằng hợp đồng tín dụng số 507/HĐTD ngày 05/10/2016 và giấy lĩnh tiền ngày 06/10/2016 với số tiền 720.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 10.5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% của lãi suất trong hạn, phương thức thanh toán trả lãi 6 tháng 1 lần và trả vốn theo định kỳ 12 tháng, kỳ trả cuối vào ngày 05/10/2021, đồng thời ông T bà D có ký hợp đồng thế chấp các tài sản gắn liền với đất số 507/HĐTC ngày 05/10/2016. Ngày 18/12/2017 ông Th bà D đã thanh toán cho Ngân hàng tiền vốn 320.000.000đ và lãi số tiền 93.490.833 đồng được tính từ ngày 06/10/2016 đến ngày 17/12/2017 (có phụ lục kèm theo) và đã rút hai tài sản thế chấp gồm: 01 giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số phát hành: BĐ 510374, số vào sổ: CH08272 do Ủy ban nhân dân huyện CT, tỉnh AG cấp ngày 27/3/2013 diện tích 2.817m²; 01 giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số phát hành: BĐ 601751, số vào sổ: CH03735 do Ủy ban nhân dân huyện CT, tỉnh AG cấp ngày 09/10/2012 diện tích 4.475m² đất tọa lạc tại ấp HT, xã HBT, huyện CTAG. Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn yêu cầu các bị đơn thanh toán một lần trước hạn số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 507/HĐTD ngày 05/10/2016 kể từ ngày vi phạm hợp đồng cho đến ngày xét xử sơ thẩm, và yêu cầu duy trì một phần hợp đồng tín dụng số 507/HĐTD và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 507/HĐTC ngày 5/10/2016 để đảm bảo thi hành án là có cơ sở. Bởi vì, theo thỏa thuận trong hợp đồng thì bị đơn có trách nhiệm trả vốn và lãi theo định kỳ (có phụ lục trả nợ) cho Agribank – phòng giao dịch huyện CTAG, nhưng các bị đơn không thực hiện đúng thời hạn đã cam kết là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và vi phạm hợp đồng tín dụng. Việc vi phạm này ít nhiều làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Tại phiên tòa hôm nay đại diện nguyên đơn yêu cầu ông T bà D phải trả số tiền vốn và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng từ ngày 18/12/2017 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Do đó, nguyên đơn yêu cầu phía bị đơn phải thanh toán một lần số tiền vốn 400.000.000 đồng và lãi phát sinh trong hạn 91.816.667 tính từ ngày 18/12/2017 đến ngày 12/02/2020, lãi quá hạn của phần kỳ trả nợ gốc 100.000.000đ ngày 08/10/2019 đến ngày 13/2/2020 là 1.881.250. Tổng

cộng số tiền 493.697.917 đồng trước thời hạn là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với qui định pháp luật nên được hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, nghĩ nên xác lập mối quan hệ tranh chấp trên và buộc ông T bà D trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền là 493.697.917 đồng. Tiếp tục duy trì tính lãi suất phát sinh từ ngày 14/2/2020 cho đến khi trả hết nợ theo hợp đồng tín dụng số 507/HĐTD ngày 05/10/2016 và tiếp tục duy trì một phần hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 507/HĐTC ngày 05/10/2016 đối với 02 tài sản còn lại để đảm bảo thi hành án.

2.1 Tranh chấp hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất.

Tại đơn yêu cầu ngày 21/6/2020 ông ĐVQ trình bày, ngày 06/3/2016 ông T bà D có làm tờ thỏa thuận cố cho ông diện tích đất sản xuất nông nghiệp diện tích 3.300m² đất tọa lạc tại xã HBT, huyện CTAG thời gian cố 24 tháng với số tiền 60.000.000 đồng, sau khi giao tiền xong ông T bà D không giao đất mà thuê lại, đất hiện nay ông T bà D vẫn đang quản lý, hiện nay đã hết hạn cố đất. Ông yêu cầu ông T bà D trả cho ông số tiền 60.000.000đ

Xét thấy: Căn cứ vào những qui định của pháp luật về đất đai hai bên tự xác lập hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất là vi phạm tại Điều 166 và 167 Luật đất đai năm 2013. Bởi vì, đất đai không thuộc đối tượng của hợp đồng cầm cố, do đó căn cứ Điều 127 và 128 Bộ luật dân sự 2005 tuyên bố hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất giữa ông T bà D với ông Q là vô hiệu.

Về hậu quả của giao dịch cầm cố vô hiệu, căn cứ khoản 2 điều 131 Bộ luật dân sự 2015 thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Tại biên bản hòa giải ông Q yêu cầu vợ chồng ông T trả số tiền 60.000.000đ là có cơ sở nên được hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Q buộc ông thanh bà D trả số tiền 60.000.000 đồng là phù hợp.

Đối với diện tích 3.300m² đất nông nghiệp ghi trong tờ cố đất ngày 06/3/2016, do ông T bà D chưa giao đất cho ông Q nên không buộc ông Q giao trả lại diện tích đất nêu trên.

[3] Chi phí tố tụng:

3.1 Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào quy định tại Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14:

Ông NVT và bà VTND phải chịu 5% án phí dân sự sơ thẩm theo qui định.

Ngân hàng Nông nghiệp PTNT Việt Nam được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên được nhận lại 11.020.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp, Agribank phòng giao dịch huyện CT đại diện nhận..

Ông ĐVQ được chấp nhận yêu cầu nên được nhận lại 1.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp

3.2 Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Căn cứ vào qui định tại khoản 2 Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam phải chịu chi phí đăng tin trên báo công Lý số tiền 1.522.000 đồng (đã nộp xong)

3.3 Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Căn cứ khoản 1 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự ông T bà D phải chịu 1.000.000 đồng, Agribank phòng giao dịch CT đã nộp xong. Do đó ông T bà D có trách nhiệm hoàn trả cho Agribank phòng giao dịch huyện CT An Giang.

[4]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 180, 227, 228, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 127, 128, 471, 473, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 131 và 688 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Điều 166 và Điều 167 Luật đất đai 2013.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank)

Buộc Ông NVT và bà VTNT phải trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền 493.697.917đ (bốn trăm chín mươi ba triệu sáu trăm chín mươi bảy ngàn chín trăm mười bảy đồng).

Tiếp tục duy trì tính lãi suất phát sinh từ ngày 14/02/2020 cho đến khi trả hết nợ theo hợp đồng tín dụng số 507/HĐTD ngày 05/10/2016 và tiếp tục duy trì một phần hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 507/HĐTC ngày 05/10/2016 để đảm bảo thi hành án.

Khi Ông T, bà D trả xong nợ thì Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Agribank Chi nhánh huyện CT, tỉnh AG, phải trả lại cho ông T bà D hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: 01 giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số phát hành: BĐ 591911, số vào sổ: CH 03418 do Ủy ban nhân dân huyện C T, tỉnh AG cấp ngày 28/9/2011 diện tích 3.705m² và 01 giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số phát hành: BĐ 601777, số vào sổ: CH 06773 do Ủy ban nhân dân huyện CT, tỉnh AG cấp ngày 12/10/2012 diện tích 418,1m² loại đất ở nông thôn và tài sản gắn liền với đất là nhà ở diện tích xây dựng 98,76m², nhà cấp 4a, số tầng 1 năm hoàn thành xây dựng 2011 (bản chính), tọa lạc tại ấp HH, xã HBT, CT, tỉnh An Giang do ông NVT và bà VTND đứng tên.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông ĐVQ.

Buộc ông NVT và bà VTND phải trả cho ông ĐVQ số tiền 60.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng

tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về chi phí tố tụng:

- Về án phí sơ thẩm:

Ông NVT và bà VTND phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 23.747.900 đồng của hợp đồng vay tài sản và 3.000.000 đồng của hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất.

Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Agribank Chi nhánh huyện CT, tỉnh AG, được nhận lại số tiền 11.020.000đ (mười một triệu không trăm hai mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0014208 ngày 02 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Hoàn trả cho ông ĐNQ số tiền 1.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004339 ngày 15/7/2019 của Chi cục thi hành án huyện CT, AG

- Về chi phí đăng báo:

Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Agribank Chi nhánh huyện CT, tỉnh AG đồng ý chịu chi phí đăng tin trên báo công lý số tiền 1.522.000 đồng (đã nộp xong)

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông T bà D phải trả cho Ngân hàng Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Agribank Chi nhánh huyện CT, tỉnh AG số tiền 1.000.000 đồng.

Báo cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Agribank Chi nhánh huyện CT, tỉnh AG có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (13/2/2020). Ông Q, ông T bà D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9a, 9b luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA.DS huyện Châu Thành;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án – TAND tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Chung

